

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 170/2020/HSST

Ngày 23/6/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG- THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Liên Sơn**

Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Huyền Nga**

Bà Nguyễn Thị Tuyết Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thủy**- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Lan Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 192/2020/HSST ngày 01/6/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/QĐXX -ST ngày 08/6/2020, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thành T- Sinh năm: 1985; Giới tính: Nam; HKTT: P8F2 tập thể T, phường Đ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Họ tên bố: Nguyễn Văn T- Sinh năm: 1956; Họ tên mẹ: Phan Thị H- Sinh năm: 1961; Tiền án, tiền sự: 01 Tiền án đã xóa án tích; 01 Tiền sự đã hết thời hiệu;

Tạm giữ ngày 23/9/2020. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 01, Công an TP Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Hoàng Trung H- Sinh năm: 1997; Giới tính: Nam; HKTT: 21 H, phường H, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; Chỗ ở: Số 9 ngách 20 ngõ 23 B, phường B, quận Long Biên, Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Họ tên bố: Không xác định; Họ tên mẹ: Hoàng Thị Phúc H- Sinh năm: 1973; Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ từ 23/9/2019 đến ngày 02/10/2019. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường B - Long Biên - Hà Nội; (Có mặt tại phiên tòa)

3. Nguyễn Trọng H- Sinh năm: 1978; Tên gọi khác: **C**; Giới tính: Nam; HKTT: 11 T, phường B, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội; Chỗ ở: Ngách 54 ngõ 76 A – Phường Y - Tây Hồ - Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Họ tên bố: Nguyễn Trọng Q- Sinh năm: 1957; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Kim C- Sinh năm: 1957; Có vợ (không đăng ký kết hôn) là Lê Thị Huyền T- Sinh 1993; Có 01

con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: 01 Tiền án đã xóa án tích; 02 Tiền sự đã hết thời hiệu.

Tạm giữ từ 23/9/2019 đến ngày 02/10/2019. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường Y - Tây Hồ - Hà Nội; (Có mặt tại phiên tòa)

Bị hại:

1. Anh **Phan Xuân H**- Sinh 1974; D12 TT N, phường N, quận Đống Đa, Hà Nội;
 2. Anh **Nguyễn Tuấn L**- Sinh 1994; HKTT: CH213 nhà A2-V11 tập thể B phường V, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;
 3. Anh **Nguyễn Huy H** ; HKTT: 40A ngõ 41 phố V, phường Đ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;
 4. Ông **Phạm Quốc H**- Sinh 1964; HKTT: xã T, huyện Phú Xuyên, Hà Nội;
 5. Chị **Trần Thị Thùy A**- Sinh 1978; Trú tại: 22 ngõ 140 V, quận Thanh Xuân, Hà Nội;
 6. Anh **Trần Mạnh Q**- Sinh 1963; Trú tại : phòng 402 tập thể 1A L, phường T, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội;
 7. Ông **Hoàng Hòa B**- Sinh 1954; Trú tại: số 6 H, phường C, quận Đống Đa, Hà Nội;
 8. Chị **Lê Minh N**- Sinh 1972; HKTT: P5D3 tập thể G, phường G, Ba Đình, Hà Nội;
 9. Anh **Lại Xuân H**- Sinh 1998; HKTT: Xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang;
 10. Anh **Nguyễn Ngọc B**- Sinh 1973; HKTT: Số 359 tổ 25, phường H, quận Hoàng Mai, Hà Nội;
 11. Chị **Trần Thị Mỹ C**- Sinh 1976; Trú tại: số 2 ngõ 31/23 N, phường B, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;
- (Toàn bộ bị hại vắng mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh **Trần Quang T**- Sinh 1993; HKTT: số 133 phố L, phường L, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội; (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18h ngày 22/9/2019, Đội CSHS – Công an quận Hai Bà Trưng phối hợp cùng Công an phường Đồng Mác đang tuần tra trên địa bàn Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Khi đi đến trước số 10 Hoa Lư, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, tổ công tác phát hiện Hoàng Trung H đi xe máy Honda Wave màu đen không biển kiểm soát có biểu hiện nghi vấn nên tổ công tác đã tiến hành kiểm tra hành chính, qua kiểm tra H không xuất trình được giấy tờ liên quan đến chiếc xe máy và khai chiếc xe máy trên do

H cùng Nguyễn Thành T trộm cắp trên Phố Lê Gia Định, phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội nên tổ công tác đã tiến hành dẫn giải H đi chỉ nhà của T tại số 6 ngách 819/9 H, phường C, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tại thời điểm kiểm tra T đang có mặt tại nhà nên tổ công tác đã đưa H và T cùng tang vật về trụ sở Công an phường Đồng Mác làm rõ. Cơ quan Công an đã thu giữ của H:

+ 01 xe máy nhãn hiệu Hon da Wave màu đen không biển kiểm soát có số máy 065579; số khung: 1266503 đã qua sử dụng. Chiếc xe này H và T dùng làm phương tiện đi trộm cắp xe máy.

Cơ quan Công an thu giữ của T:

+ 01 tay công bằng kim loại dài khoảng 15cm có chuôi bằng cao su màu đỏ đen, đầu tay công hình tròn.

+ 01 đầu văm bằng kim loại dài khoảng 08cm một đầu dẹt nhọn, một đầu hình lục giác.

+ 01 đầu nổi bằng kim loại hình trụ tròn dài khoảng 05cm, một đầu hình vuông, một đầu hình lục giác.

+ 01 xe máy nhãn hiệu Hon da Dream màu nâu số khung bị mài chưa xác định, đã qua sử dụng.

+ 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Siris màu đỏ, không biển kiểm soát;

+ 01 xe máy nhãn hiệu Suzuki Viva màu đen BKS 29X3- 0118;

+ 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đã qua sử dụng không BKS.

Tại Cơ quan điều tra T và H khai đã cùng nhau thực hiện các vụ trộm cắp tài sản và bán lại cho Nguyễn Trọng H. Ngày 25/9/2019, Cơ quan điều tra Công an quận Hai Bà Trưng tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Trọng H tại Ngách 54 ngõ 76 A, phường Y, quận Tây Hồ, Hà Nội.

Thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Trọng H:

+ 01 xe máy nhãn hiệu hon da Wave màu trắng số khung 442700, số máy: 5442826 đã qua sử dụng.

+ 01 xe máy nhãn hiệu hon da Kawasaki màu xanh tím BKS 29M6- 6302, có số khung 33350, số máy: 33350 đã qua sử dụng.

+ 01 xe máy nhãn hiệu Piaggio Zip màu trắng không biển kiểm soát có số khung 520000018420, số máy: 200891 đã qua sử dụng.

+ 01 xe máy kiểu dáng Spacy màu trắng biển kiểm soát 29Y5- 3013 có số khung 51040338, số máy: 61010489 đã qua sử dụng.

+ 01 xe máy nhãn hiệu Hon da SCR màu xanh biển kiểm soát 29Y7- 5066 có số khung 10271026964, số máy: 03913 đã qua sử dụng.

Tại cơ quan Điều tra Nguyễn Thành T, Hoàng Trung H đã khai nhận: Do không có công việc ổn định, lại nghiện ma túy nên trong khoảng thời gian từ tháng 2/2019 đến khi bị bắt, T đã cùng H rủ nhau đi trộm cắp tài sản. H là người đi xe máy Honda

Wave hoặc xe Honda Dream màu nâu không biển kiểm soát chở T ngồi sau đem theo vạm phá khóa xe máy chuẩn bị từ trước đi lang thang trên địa bàn Thành phố Hà Nội xem ai sơ hở thì trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng giữa tháng 02 năm 2019 T đi một mình vào khu D10 Tập thể N, phường N, quận Đống Đa để trộm cắp. T phát hiện có chiếc xe máy nhãn hiệu Suzuki Viva BKS: 29M8 – 8164 để ở chân cầu thang, lợi dụng sơ hở, không có người trông giữ, T dùng vạm phá khóa điện và lấy chiếc xe trên đem về nơi T đang thuê trọ tại phòng 101 dãy C tập thể B, phường Đ, quận Hai Bà Trưng cất giấu. Chiếc BKS của xe T đã tháo vớt trên đường đi (hiện không xác định được). Sau đó về T lắp biển giả là BKS: 29X3- 0118.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Thành T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận giám định số 3353/KL –PC09 ngày 3/6/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hà Nội đã kết luận xe có số khung BE42F- VN100618; số máy E418- VN100618 của xe là số nguyên thủy. Qua xác minh xe có BKS 29M8 – 8164 không có trong dữ liệu xe tang vật, chủ sở hữu hợp pháp là của anh Phan Xuân H. Anh H bị mất chiếc xe trên vào thời gian giữa tháng 2 năm 2019, hiện anh không nhớ ngày mất xe.

Ngày 5/6/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 55/KL - HĐTS ngày 11/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Hai Bà Trưng: xe máy nhãn hiệu Suzuki Viva biển kiểm soát gắn theo xe 29X3 – 0118 trị giá 2.000.000đ.

Cơ quan điều tra đã tiến hành dẫn giải Nguyễn Thành T đi xác định nơi lấy trộm xe. T đã xác định được vị trí trộm cắp chiếc xe tại khu vực cầu thang D10 tập thể N, phường N, quận Đống Đa, Hà Nội.

Ngày 11/12/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc xe cho anh H, anh H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Vụ thứ hai: Ngày 17/3/2019, Nguyễn Thành T đi đến khu tập thể địa chỉ 135 D, phường V, quận Hai Bà Trưng. Khi đi đến chân cầu thang 2 khu tập thể, T phát hiện thấy chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS: 29B1- 341.77 khóa ổ điện, không có người trông giữ, lợi dụng sơ hở T vào dùng vạm phá khóa đem theo từ trước phá khóa điện và lấy được chiếc xe. Sau đó T đem về nhà trọ cất.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Thành T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và khai trên đường đi về nơi trọ T đã tháo BKS vớt trên đường hiện không thu hồi được.

Tại bản kết luận giám định số 3353/KL –PC09 ngày 3/6/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hà Nội đã kết luận xe máy Yamaha Sirius có số khung RLCS3S310 9Y017620, số máy: 3S31017620 là số nguyên thủy. Qua xác minh xe có

BKS: 29B1- 341.77, không nằm trong dữ liệu xe tang vật, chủ sở hữu hợp pháp là của anh Nguyễn Tuấn L.

Tại Cơ quan điều tra anh L khai: Tối ngày 16/3/2019, anh L dựng xe tại chân cầu thang 2 của khu tập thể, xe có khóa cổ sau đó lên nhà đi ngủ đến sáng ngày 17/3/2019 anh phát hiện bị mất chiếc xe.

Ngày 5/6/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 55/KL - HĐTS ngày 11/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Hai Bà Trưng: xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius không biển kiểm soát trị giá 6.500.000đ.

Cơ quan điều tra đã tiến hành dẫn giải Nguyễn Thành T đi xác định nơi trộm cắp chiếc xe. T đã chỉ được vị trí trộm cắp chiếc xe máy tại khu vực chân cầu thang nhà A2 tập thể địa chỉ số 135 D, phường V, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Ngày 11/12/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc xe cho anh L, anh L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Vụ thứ ba: Khoảng 22h ngày 16/3/2019, Nguyễn Thành T đi xe máy chở Lê Thị Ánh H (SN: 1992; TQ: số 5 T, phường P, quận Hai Bà Trưng) là người yêu của T đi chơi, khi đi đến phố V, T bảo H đứng ngoài đợi, T đi vào ngõ 41 phố V, phường Đ, quận Hai Bà Trưng mục đích xem ai có tài sản thì lấy. Khi T đi đến trước cửa số nhà 40A thì phát hiện có một chiếc xe máy Honda Wave màu trắng để tại trước cửa nhà có cắm chìa khóa ở xe. Lợi dụng sơ hở không người trông giữ T vào mở khóa xe và phóng đi đem xe về nhà trọ cất giấu.

Tại Cơ quan điều tra T khai việc T trộm cắp xe H không biết. Sau khi lấy được xe T bảo H cùng đi về nơi thuê trọ để T cất xe, sau đó T đã tháo vớt chiếc biển kiểm soát, hiện không nhớ vị trí nơi đã vớt.

Tại bản kết luận giám định số 5585/KL –PC09 ngày 4/9/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hà Nội đã kết luận: xe máy Wave màu trắng có số khung RLHHC1251FY283401; số máy: HC12E7283484 là nguyên thủy. Qua xác minh xe có BKS 29V1 – 459.35, không có trong cơ sở dữ liệu xe tang vật, chủ sở hữu hợp pháp là của anh Nguyễn Huy H. Tối 16/3/2019, anh có dựng xe tại trước cửa số nhà 40A ngõ 41 phố V, phường Đ đến sáng ngày 17/3/2019 anh phát hiện bị mất.

Ngày 5/6/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 55/KL - HĐTS ngày 11/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Hai Bà Trưng: xe máy Wave màu trắng không biển kiểm soát trị giá 10.000.000đ.

Tiến hành dẫn giải Nguyễn Thành T đi xác định nơi lấy xe. T đã chỉ được vị trí trộm cắp chiếc xe máy Honda Wave màu trắng tại khu vực trước số 40A ngõ 41 phố V, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Ngày 11/12/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc xe cho anh H, anh H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì.

Vụ thứ tư: Khoảng giữa tháng 7 năm 2019, Trủ H đi trộm cắp tài sản. Khi đi đến khu vực Đại La, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội cả hai phát hiện thấy có chiếc xe máy Honda Dream màu nâu để ở dưới vỉa hè đường Đại La, T bảo H đứng ngoài canh gác còn T đi đến chỗ để xe dùng vạm phá khóa phá khóa điện và lên xe phóng đi. Sau đó T đã tháo vớt chiếc biển kiểm soát của xe (hiện không xác định được nơi vớt) và lắp biển giả 29X5 – 016.08. Chiếc xe này thu giữ tại nơi trọ của T. T và H giữ lại làm phương tiện đi trộm cắp tài sản.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Thành T và Hoàng Trung H khai nhận hành vi phạm tội của mình. Cả H và T đều khai lấy tại phố Đại La, phường Trương Định nhưng không xác định được vị trí chính xác nơi đã lấy trộm xe.

Ngày 10/10/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03 ngày 10/2/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Hai Bà Trưng: xe máy Honda Dream màu nâu BKS gắn theo xe : 29X5 – 016.08 trị giá 10.500.000đ.

Tại bản kết luận giám định số 7810 ngày 12/12/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hà Nội đã kết luận: xe có số khung: bị tẩy xóa, xác định được số khung nguyên thủy là có số cuối là 2347 (ký tự đầu không xác định được), số máy: RLHHA08E -0512446 là nguyên thủy, không nằm trong dữ liệu xe máy vật chứng. Chủ sở hữu hợp pháp là của ông Phạm Quốc H.

Tại Cơ quan điều tra ông H trình bày: do thời gian đã lâu nên ông cũng không nhớ chính xác vị trí nơi để chiếc xe trước khi bị mất, chỉ nhớ để tại khu vực Đại La, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, sau đó bị trộm cắp mất xe.

Tiến hành dẫn giải Nguyễn Thành T và Hoàng Trung H đi xác định vị trí lấy xe, T và H không nhớ chính xác nơi lấy, chỉ xác định được vị trí trộm cắp chiếc xe máy tại khu vực Đại La, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Ngày 18/2/2020, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trao trả vật chứng là chiếc xe cho ông H, ông H đã nhận lại xe và không có đề nghị gì khác.

Vụ thứ năm: Rạng sáng ngày 31/7/2019, H đi xe máy chở T vào khu vực phường B, quận Hai Bà Trưng mục đích để trộm cắp tài sản, khi đi đến chân cầu thang K14 khu tập thể B thì T phát hiện thấy 01 chiếc xe máy Honda SCR màu xanh (kiểu dáng xe Lead) BKS: 29Y7-5066, xe có khóa ổ điện. Lợi dụng sơ hở, không có người trông giữ, H làm nhiệm vụ đứng ngoài canh gác còn T đi vào dùng vạm phá khóa, phá ổ khóa điện của chiếc xe máy. Sau khi lấy được xe, T và H mang xe đến nhà Nguyễn Trọng H để bán với giá 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Khi mua H biết là xe do T và H trộm cắp nhưng ham rẻ vẫn đồng ý mua.

Tại cơ quan Điều tra Nguyễn Thành T và Hoàng Trung H, Nguyễn Trọng H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. H khai Sau khi cơ quan Điều tra thông báo chiếc xe là tang vật của vụ trộm, H đã tự nguyện giao nộp lại chiếc xe máy trên cho Cơ quan điều tra.

Ngày 10/10/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03 ngày 10/2/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Hai Bà Trưng: xe máy Honda SCR màu xanh, biển kiểm soát 29Y - 5066 trị giá 6.000.000đ.

Tại bản kết luận giám định số 7810/KL –PC09 ngày 12/12/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hà Nội đã kết luận: xe máy Honda SCR màu xanh thu giữ của H có số khung 10271026964, số máy 3335003913 là số nguyên thủy. Qua xác minh xe có biển kiểm soát 29Y – 5066, không nằm trong dữ liệu xe tang vật. Chủ sở hữu theo đăng ký là của chị Trần Thị Thùy A. Chị Thùy A trình bày chị mua chiếc xe trên năm 2007 và sử dụng đến tháng 6 năm 2019 chị cho cháu là anh Lê Hải A sử dụng. Khoảng 4h ngày 3/7/2019, anh A có dựng chiếc xe tại chân cầu thang K14 khu tập thể B, phường B, quận Hai Bà Trưng. Đến 5h15' cùng ngày anh phát hiện bị mất xe.

Cơ quan điều tra đã tiến hành dẫn giải Nguyễn Thành T và Hoàng Trung H đi xác định vị trí lấy xe. T và H chỉ được vị trí trộm cắp chiếc xe máy Honda SCR (kiểu dáng xe Lead) màu xanh BKS: 29Y7-5066 tại khu vực chân cầu thang K14 tập thể B, quận Hai Bà Trưng.

Ngày 30/10/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả tài sản cho bị hại, anh Hải A đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì.

Vụ thứ sáu: Khoảng đầu tháng 8/2019, H đi xe máy chở T ngồi sau mục đích đi trộm cắp tài sản. Khi đi đến chân cầu thang B nhà 1A L, phường T, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Trung phát hiện có chiếc xe máy kiểu dáng xe Spacy BKS: 30L5 – 3446 dựng ở chân cầu thang. H làm nhiệm vụ đứng ngoài canh gác còn T đi vào dùng vạm phá khóa phá ổ khóa điện. Sau khi lấy được xe. T cùng H mang đến nhà H bán với giá 1.000.000đ. Khi mua H biết là xe máy do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Thành T, Hoàng Trung H và Nguyễn Trọng H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. H khai sau khi mua H đã bán khung xe và máy xe cho đồng nát được 700.000đ, còn vỏ xe H giữ lại.

Quá trình điều tra làm rõ xe máy kiểu dáng xe Spacy BKS: 30L5 – 3446 có chủ sở hữu hợp pháp là của anh Trần Mạnh Q.

Tại Cơ quan điều tra anh Q trình bày: Khi mua xe có đăng ký mang tên Trần Ngọc B (TQ: tập thể máy đèn, phường C, Hà Nội). Quá trình sử dụng anh đã đánh rơi Biển kiểm soát, mất đăng ký xe, hiện anh không nhớ số khung, số máy của chiếc xe. Đầu tháng 8/2019 anh có dựng xe tại chân cầu thang B nhà 1A L, quận Hoàn Kiếm, Hà

Nội, xe có khóa điện, khóa cổ xe đến 8h sáng hôm sau anh phát hiện bị mất. Do xe đã cũ nên anh không trình báo với Cơ quan Công an, hiện anh không có yêu cầu bồi thường gì.

Ngày 10/10/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03 ngày 10/2/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Hai Bà Trưng:

Vỏ xe máy màu trắng, có gắn tem Spacy đã qua sử dụng trị giá 2.000.000đ.

Tiến hành dẫn giải Nguyễn Thành T và Hoàng Trung H đi xác định vị trí lấy xe, T và H đã chỉ được vị trí trộm cắp chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Spacy màu trắng tại khu vực cầu thang B nhà 1A L, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tài sản hiện chỉ thu giữ được vỏ xe máy, anh Q không có yêu cầu T, H bồi thường gì.

Vụ thứ bảy: Khoảng giữa tháng 8 năm 2019, H đi xe máy chở T ngồi sau mục đích đi trộm cắp tài sản. Khi đi đến khu vực sân bóng T, phường C, quận Đống Đa, thì T phát hiện có 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Kymco để trước số nhà 6 H, phường C, quận Đống Đa, Hà Nội). Lợi dụng sơ hở, không ai trông giữ, T bảo H đứng ngoài canh gác còn T đi vào dùng vạm phá khóa phá ổ khóa điện để trộm cắp chiếc xe. Sau khi lấy được xe T và H mang đến bán cho H với giá 1.000.000đ (một triệu đồng). Khi mua H biết là xe do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua. Sau đó H đã lấy vỏ chiếc xe máy Honda Spacy màu trắng lắp vào khung chiếc xe máy Kymco, còn vỏ của chiếc xe máy Kymco H đã bán cho đồng nát qua đường. Sau khi được cơ quan Công an thông báo chiếc xe trên là xe trộm cắp H đã tự nguyện giao nộp lại chiếc xe máy có vỏ của chiếc xe Spacy được lắp vào khung của chiếc xe Kymco.

Qua xác minh xe có biển kiểm soát 29X5 – 3010, số khung 61040838; số máy: 61010489 là nguyên thủy, chủ sở hữu là của ông Hoàng Hòa B. Tại cơ quan điều tra ông B trình bày chiếc xe trên ông mua năm 2007 và đứng tên đăng ký, ông sử dụng đến khoảng tháng 8/2019 (hiện ông không nhớ ngày) khi để xe trước cửa nhà số 6 H và bị mất. Quá trình sử dụng ông đã bị mất toàn bộ giấy tờ xe.

Ngày 10/10/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03 ngày 10/2/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Hai Bà Trưng:

+ Khung xe máy nhãn hiệu Kymco, số khung: 61040838; số máy: 61010489 đã qua sử dụng trị giá: 2.500.000đ.

Tiến hành dẫn giải Nguyễn Thành T và Hoàng Trung H đi xác định vị trí lấy xe, T và H đã chỉ được vị trí trộm cắp chiếc xe máy nhãn hiệu Kymco tại khu vực trước cửa số nhà 6 H, phường C, quận Đống Đa).

Ngày 18/2/2020, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc xe cho bị hại, ông B đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì.

Vụ thứ tám:

Rạng sáng ngày 11/8/2019, H điều khiển xe máy chở T đi trộm cắp tài sản. Khi đi đến khu tập thể nhà D3 G, phường G, quận Ba Đình, Hà Nội thì T phát hiện 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Kawasaki màu xanh tím, BKS: 29H9 - 0514 để ở chiếu nghỉ tầng 2 của chân cầu thang 1 nhà D3 tập thể G. Lợi dụng không có người trông giữ, T bảo H đứng ngoài canh gác, T đi vào dùng vạm phá khóa mang theo từ trước phá khóa xe máy. Sau khi lấy được chiếc xe, T đã tháo vớt chiếc biển kiểm soát trên đường đi (hiện không xác định vị trí nơi vớt biển kiểm soát). Sau đó đem xe về nhà H cất dấu đến sáng hôm sau T và H mang xe đến nhà H để bán với giá 800.000đ. Khi mua H thấy chiếc xe không biển số, không giấy tờ xe, không có chìa khóa xe, H biết là xe do T và H trộm cắp nhưng vẫn đồng ý mua. Sau khi được cơ quan Điều tra thông báo, H đã tự nguyện giao nộp lại chiếc xe máy cho Cơ quan điều tra.

Ngày 10/10/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03 ngày 10/2/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Hai Bà Trưng: xe máy Kawasaki màu xanh tím, không biển kiểm soát trị giá 2.000.000đ.

Tại bản kết luận giám định số 7810/KL- PC09 ngày 12/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hà Nội kết luận: Xe có số khung 33350; số máy 33350 là nguyên thủy. Quá trình điều tra làm rõ xe máy nhãn hiệu Kawasaki màu xanh tím thu giữ của Hiền có BKS: 29H9 – 0514, chủ sở hữu hợp pháp là của chị Lê Minh N.

Tại Cơ quan điều tra chị N khai: Khoảng 12h ngày 10/8/2019, chị có dựng chiếc xe tại chân cầu thang D3 khu tập thể G, quận Ba Đình, Hà Nội. Đến sáng 11/8/2019 chị phát hiện bị mất xe.

Tiến hành dẫn giải Nguyễn Thành T và Hoàng Trung H đi xác định vị trí nơi lấy xe, T và H đã chỉ ra được vị trí trộm cắp chiếc xe máy Kawasaki màu xanh tím tại chiếu nghỉ tầng 2 chân cầu thang 1 nhà D3 tập thể, quận Ba Đình.

Tài sản đã được thu hồi. Ngày 30/10/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trao trả vật chứng cho bị hại, chị N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì.

Vụ thứ chín:

Khoảng 3h ngày 22/9/2019, H điều khiển xe máy chở T ngồi phía sau đi lang thang trên địa bàn phường Đ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đi đến khu tập thể H (địa chỉ 190 L, phường Đ, quận Hai Bà Trưng), T phát hiện 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Piaggio Zip màu trắng, BKS: 29C1-014.73 để ở chân cầu thang F2 của khu tập thể. T bảo H đứng ngoài canh gác còn T đi vào dùng vạm phá khóa mang theo để phá khóa xe. Sau khi lấy được xe, T đã tháo vớt chiếc biển kiểm soát trên đường đi (hiện không xác định được). Sau đó T và H mang xe máy đến nhà Nguyễn Trọng H tại số ngách 54 ngõ 76 A, quận Tây Hồ, Hà Nội bán cho H với giá 1.000.000đ. Khi mua H thấy xe không biển kiểm soát, không giấy tờ xe, không có chìa

khóa nên H biết là xe máy trộm cắp nhưng vẫn đồng ý mua. Sau khi cơ quan Điều tra thông báo, H đã tự nguyện giao nộp lại chiếc xe máy cho Cơ quan Điều tra.

Ngày 10/10/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03 ngày 10/2/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Hai Bà Trưng: xe máy Honda Piaggio Zip màu trắng không biển kiểm soát trị giá 8.000.000đ.

Tại bản kết luận giám định số 7810/KL- PC09 ngày 12/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hà Nội kết luận: xe máy nhãn hiệu Piaggio Zip màu trắng, không biển kiểm soát thu giữ của Hiên xe có số khung 520000018420, số máy 2002891 là nguyên thủy. Qua xác minh có BKS: 29C1-014.73, không nằm trong dữ liệu xe tang vật, chủ sở hữu hợp pháp là của anh Lại Xuân H.

Tại Cơ quan điều tra anh H khai: Khoảng 0h30' ngày 22/9/2019, anh H có dựng chiếc xe tại chân cầu thang F2 của khu tập thể H, địa chỉ 190 L, phường Đ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Đến khoảng 7h cùng ngày anh phát hiện bị mất xe.

Cơ quan điều tra đã tiến hành dẫn giải Nguyễn Thành T và Hoàng Trung H đi xác định vị trí trộm cắp chiếc xe máy. Nguyễn Thành T và Hoàng Trung H đã chỉ được vị trí trộm cắp chiếc xe máy Piaggio Zip màu trắng tại chân cầu thang F2 khu vực tập thể H, 190 L, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tài sản đã thu hồi. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc xe cho bị hại, anh H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì.

Vụ thứ mười:

Đêm 15/9/2019, T rủ H đi trộm cắp xe máy, trước khi đi T chuẩn bị 01 bộ vạm phá khóa xe máy và phân công cho H đứng bên ngoài làm nhiệm vụ canh giới, T sẽ trực tiếp vào lấy trộm tài sản. H điều khiển xe máy chở T ngồi phía sau cả hai đi lang thang trên địa bàn quận Hai Bà Trưng mục đích xem ai sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến khu vực tập thể D 2 phố L, phường Đ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, T phát hiện thấy 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đen, BKS: 29C1-311.34 để ở chân cầu thang tầng 1 của khu tập thể. Thấy không có người trông giữ. T bảo H đứng ngoài canh gác còn T đi vào dùng vạm phá khóa xe máy. Sau khi lấy được xe, T đi xe về nhà trọ của T tại số 6 ngách 819/9 H, phường C, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội để cất, T đã tháo chiếc BKS vút trên đường đi (hiện không xác định được nơi vút). Đến sáng hôm sau, T bảo H đi mua ổ khóa mới về để thay ổ khóa xe. Sau đó T đưa xe cho H sử dụng làm phương tiện chở T đi trộm cắp tài sản. Đến ngày 22/9/2019, khi H đang đi chiếc xe máy trên thì bị Tổ công tác Công an quận Hai Bà Trưng kiểm tra bắt giữ.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Thành T, Hoàng Trung H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Ngày 10/10/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03 ngày 10/2/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Hai Bà Trưng: xe máy Honda Wave màu đen không biển kiểm soát trị giá 7.000.000đ.

Tại bản kết luận giám định số 7810/KL- PC09 ngày 12/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hà Nội kết luận: xe có số khung 065679; số máy 1266503 là nguyên thủy. Qua xác minh xe có BKS: 29C1-311.34, chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Ngọc Báu.

Tại Cơ quan điều tra anh Nguyễn Ngọc B khai: Khoảng 0h5' ngày 15/9/2019, anh có dựng chiếc xe tại chân cầu thang tầng 1 của khu tập thể D 2 phố L, phường Đ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Đến khoảng 10h cùng ngày anh phát hiện bị mất xe.

Cơ quan điều tra đã tiến hành dẫn giải Nguyễn Thành T và Hoàng Trung H đi chỉ vị trí trộm cắp chiếc xe. T và H đã xác định được nơi lấy xe tại chân cầu thang 1 khu tập thể D2, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tài sản đã thu hồi. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trao trả vật chứng là chiếc xe cho bị hại, anh B đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì.

Vụ thứ mười một:

Khoảng rạng sáng ngày 14/9/2019, Nguyễn Thành T đem theo 01 bộ vạm phá khóa xe máy đi trộm cắp tài sản. Khi đi đến trước cửa số nhà 2 ngõ 31/23 N, phường B, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, T phát hiện thấy 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH mode, màu trắng, BKS: 29D2 - 001.97 dựng trước cửa nhà, có khóa ổ điện, lợi dụng sơ hở không có người trông giữ. T đã dùng vạm phá ổ khóa điện. Sau khi lấy được xe T tháo biển số xe vớt trên đường đi (hiện không xác định được vị trí nơi vớt biển kiểm soát) rồi đem đến bãi gửi xe ở Vincom, Thái Phiên, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng đặt cho Trần Quang Tr được 6.000.000đ.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Thành T khai nhận như trên và khai khi đặt xe T không nói với Tr là xe do trộm cắp mà có.

Quá trình điều tra làm rõ do T cần tiền để giải quyết công việc nên T cho vay 6.000.000đ và T để lại chiếc xe máy Honda SH Mode màu trắng để làm tin. Sau khi được Cơ quan Điều tra thông báo chiếc xe là tang vật vụ trộm cắp tài sản, Tr đã tự nguyện giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan Điều tra và không yêu cầu T bồi thường. Do Tr không biết chiếc xe máy trên là do T trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý Trần Quang Tr trong vụ án này.

Ngày 10/10/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03 ngày 10/2/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Hai Bà Trưng: xe máy Honda SH mode, màu trắng, không biển kiểm soát trị giá 45.000.000đ.

Tại bản kết luận giám định số 7810/KL- PC09 ngày 12/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hà Nội kết luận xe Honda SH mode có số khung

RLHJF5129Y156628; số máy: JF51E0415897 là nguyên thủy. Quá trình điều tra làm rõ: xe máy Honda SH mode, màu trắng có BKS: 29D2 - 001.97, không nằm trong dữ liệu xe tang vật, chủ sở hữu hợp pháp là của chị Trần Thị Mỹ C. Tại Cơ quan điều tra chị C khai: khoảng 2h ngày 14/9/2019, chị có dựng chiếc xe máy tại trước cửa nhà, đến sáng chị phát hiện bị mất xe.

Tiến hành dẫn giải Nguyễn Thành T đi xác định vị trí lấy xe, T đã chỉ được vị trí trộm cắp chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH mode màu trắng BKS: 29D2 - 001.97 tại khu vực trước cửa số nhà 2 ngõ 31/23 N, phường B, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tài sản đã thu hồi. Ngày 30/10/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc xe trên cho chị C, chị C đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Ngoài các vụ trộm cắp trên Nguyễn Thành T còn khai thực hiện 1 vụ trộm cắp khác (hiện không xác định được bị hại) vào khoảng cuối tháng 7/2019, T đem theo 01 bộ vạm phá khóa rồi đi bộ lang thang một mình trên phố V, quận hai Bà Trưng và trộm cắp được 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade trên phố V, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. (T không nhớ vị trí trộm cắp chiếc xe máy). Sau đó, T nhờ Tr bán với giá 3.000.000đ.

Quá trình điều tra Tr không thừa nhận đã mua chiếc xe trên của T. Ngoài lời khai của T không có tài liệu nào khác thể hiện có việc Tr đã mua chiếc xe này. Hiện chưa thu hồi được tài sản, không xác định được bị hại. Do vậy Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý Trần Quang Tr trong vụ án này.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu honda Wave màu trắng số khung 442700, số máy: 5442826 đã qua sử dụng thu giữ tại nhà Nguyễn Trọng H. H khai là của bạn xã hội tên N đến nhờ H sửa xe, sau đó không thấy N quay lại lấy xe. Quá trình điều tra chưa làm rõ được chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe trên nên Cơ quan điều tra – Công an quận Hai Bà Trưng đã ra Quyết định tách tài liệu liên quan đến chiếc xe máy để tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Tại Bản cáo trạng số 181/CT/VKS-HBT ngày 28/5/2020, VKSND quận Hai Bà Trưng đã truy tố Nguyễn Thành T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Truy tố Hoàng Trung H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Truy tố Nguyễn Trọng H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng căn cứ lời khai thừa nhận của các bị cáo tại phiên tòa, cũng như trong quá trình điều tra; Căn cứ lời khai của người bị hại, người làm chứng; Căn cứ Kết luận định giá tài sản, đã xác định các bị cáo Nguyễn Thành T, Hoàng Trung H phạm tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo Nguyễn Trọng H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Sau khi

phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng xác định các bị cáo T, H phân công nhau chặt chẽ trong quá trình trộm cắp. Bị cáo T trực tiếp trộm cắp, bị cáo H canh gác. Vì vậy Viện kiểm sát áp dụng tình tiết tăng nặng định khung tại điểm a (phạm tội có tổ chức) khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b,c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự (Đối với Nguyễn Thành T), điểm a, b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự (Đối với Hoàng Trung H); khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự(Đối với Nguyễn Trọng H); điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự (Đối với các bị cáo); điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Xử phạt Nguyễn Thành T từ 54 đến 60 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt Hoàng Trung H từ 42 đến 48 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt Nguyễn Trọng H từ 24 đến 30 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có;

Hình phạt bổ sung: Miễn phạt tiền các bị cáo;

Xử lý vật chứng: tịch thu tiêu hủy: 01 tay công bằng kim loại dài 15cm, có chuôi bằng cao su màu đỏ đen, đầu tay công hình tròn; 01 đầu văm bằng kim loại dài khoảng 08cm, một đầu dẹt nhọn, một đầu hình lục giác; 01 đầu nối bằng kim loại hình trụ dài khoảng 05cm, một đầu hình vuông, một đầu hình lục giác.

Về dân sự: Các bị hại đều nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường dân sự, nên không xem xét.

Buộc bị cáo T, H truy nộp sung công quỹ nhà nước mỗi bị cáo 2.650.000đ. Buộc bị cáo H truy nộp sung công quỹ nhà nước số tiền 700.000đ.

Bị cáo Nguyễn Thành T xác nhận quen biết Hoàng Trung H vài tháng trước khi cả hai cùng đi trộm cắp tài sản. T và H không bao giờ bàn bạc phân công nhau khi đi trộm cắp. Cả 07 lần thực hiện hành vi trộm cắp xe máy(như cáo trạng nêu), cả hai đều trên đường đi chơi không phải rủ nhau đi trộm cắp. Công cụ dùng để phá khóa xe máy đều là của T. Mỗi khi bán được xe máy trộm cắp, T không bao giờ chia tiền cho H mà dùng tiền bán xe máy trộm cắp để chi tiêu ăn uống chung, trả tiền thuê nhà trọ của T. Các xe máy trộm cắp được bị cáo bán cho H 05 lần thu được số tiền 5.300.000đ. H là do H giới thiệu bị cáo mới biết, khi bán xe máy H đều biết là xe trộm cắp.

Các xe máy cơ quan điều tra thu giữ đều là xe máy trộm cắp, nhưng do bị cáo chưa tìm được người mua nên để ở nhà trọ.

Đối với Trần Quang Tr, bị cáo xác nhận khi mang xe máy SH Mode đến cho Tr, bị cáo không nói là xe trộm cắp mà chỉ vay Tr 06 triệu đồng và để lại xe máy. Bị cáo

nói với Tr vài ngày sau đến trả tiền rồi lấy xe. Tr không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền này, bị cáo cũng không có ý kiến gì.

Bị cáo không có ý kiến phản đối về việc bị truy tố theo điểm a, b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Hoàng Trung H xác nhận không bao giờ T bàn bạc với bị cáo khi đi trộm cắp. Cả 07 lần cùng T đi trộm cắp xe máy đều trong tình trạng cả hai đang đi chơi. Khi T vào lấy xe máy, bị cáo đều đứng ở xa, không phải để cảnh giới mà do T nói bị cáo đứng đợi. Lần đầu tiên T đi vào lấy xe máy, bị cáo không biết T trộm cắp, khi về nhà T mới nói cho bị cáo. Những lần sau bị cáo đều biết T đi vào để trộm cắp xe máy. Bị cáo đi cùng T là do bị cáo đang bị thất nghiệp và T đang nợ tiền bị cáo. T chưa bao giờ chia tiền bán xe máy cho bị cáo, bị cáo cũng không để ý đến số tiền T bán xe máy. Bị cáo hàng ngày có đến nhà trọ của T, có ăn uống cùng T, nhưng không ngủ lại. Bị cáo cũng không biết T dùng tiền bán xe máy trộm cắp để trả tiền thuê nhà trọ. Bị cáo xác nhận H là do bị cáo giới thiệu cho T đến bán xe máy trộm cắp.

Bị cáo không có ý kiến phản đối về việc bị truy tố theo điểm a, b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Trọng H xác nhận bị cáo quen biết với bị cáo H. Bị cáo làm nghề sửa chữa xe máy, khi H, T mang xe máy đến, lần đầu tiên bị cáo còn không biết là xe trộm cắp, nhưng những lần sau bị cáo đều biết là xe máy trộm cắp, nhưng bị cáo thấy xe bán giá rẻ nên hám lợi mua của T và H 05 xe máy. Thực tế bị cáo chưa bán được xe máy nào vì không có người mua. Bị cáo chỉ bán được vỏ chiếc xe máy được 700.000đ.

Các Bị cáo xác nhận có tội, không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hai Bà Trưng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, Kiểm sát viên: trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, Trần Quang Tr cùng toàn bộ bị hại vắng mặt mặc dù đã được thông báo đến phiên tòa. Xét thấy các bị hại đã nhận được tài sản không yêu cầu bồi thường dân

sự, Trần Quang Tr cùng các bị hại đều có lời khai cụ thể rõ ràng, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành phiên tòa.

Xét hành vi của các bị cáo Nguyễn Thành T, Hoàng Trung H và Nguyễn Trọng H: Căn cứ lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa; Căn cứ lời khai của bị hại, người làm chứng; các Bản kết luận định giá trong tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử có cơ sở để kết luận: Trong thời gian từ tháng 3/2019 đến cuối tháng 9/2019, trên các địa bàn quận Hai Bà Trưng, quận Đống Đa, quận Hoàn Kiếm, quận Ba Đình; các bị cáo Nguyễn Thành T, Hoàng Trung H đã lén lút dùng vạm phá khóa, phá khóa xe mô tô, chiếm đoạt 11 chiếc xe mô tô các loại. Trong đó Nguyễn Thành T thực hiện 11 vụ chiếm đoạt xe mô tô có tổng giá trị 101.500.000đ (Một trăm linh một triệu năm trăm nghìn đồng). Hoàng Trung H cùng Nguyễn Thành T thực hiện chiếm đoạt 07 chiếc xe mô tô, tổng giá trị 38.000.000đ.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Thành T, Hoàng Trung H là nguy hiểm cho xã hội, gây tâm lý lo lắng trong nhân dân, gây mất trật tự an xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Do các bị cáo phạm tội nhiều lần, lấy việc trộm cắp tài sản làm nguồn sống chính cho bản thân, nên các bị cáo Nguyễn Thành T, Hoàng Trung H bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng định khung hình phạt “ có tính chất chuyên nghiệp” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với Nguyễn Thành T: giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 101.500.000đ, nên bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng định khung hình phạt “ Chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017(gọi tắt là Bộ luật hình sự).

Về vai trò đồng phạm: Trong vụ án này, Nguyễn Thành T là người trực tiếp sử dụng vạm phá khóa để trộm cắp xe mô tô, cũng là người thực hiện cả 11 vụ trộm cắp tài sản. Nguyễn Trung H cùng T thực hiện 07 vụ trộm cắp và H là người cảnh giới cho T vào trộm cắp tài sản. Nên Nguyễn Thành T có vai trò cao hơn Nguyễn Trung H.

Quá trình rủ H đi trộm cắp tài sản, T cùng H không bàn bạc phân công vai trò khi trộm cắp, mặc dù toàn bộ các lần đi trộm cắp chung với nhau, T đều là người trực tiếp trộm cắp tài sản, H luôn là người cảnh giới. Điều này thể hiện các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn, không phải có tổ chức. Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng truy tố, đề nghị xét xử các bị cáo T, H tình tiết định khung tăng nặng tại điểm a (có tổ chức) khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là chưa phù hợp.

Hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền.

Đối với Nguyễn Trọng H: H làm nghề sửa chữa xe máy, biết rõ các xe mô tô do T và H mang đến bán là tài sản trộm cắp, nhưng do hám lợi, H đã mua của T 05 chiếc xe mô tô trộm cắp đem bán kiếm lời. Hành vi của Nguyễn Trọng H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, các bị cáo Nguyễn Thành T, Hoàng Trung H đều không có nghề nghiệp, lười lao động, lấy việc trộm cắp tài sản để làm nguồn sống chính. Bị cáo Nguyễn Trọng H vì ham lợi đã nhiều lần mua xe máy trộm cắp của T và H. Mặc dù các bị cáo đều chưa có tiền án tiền sự, nhưng hành vi của các bị cáo thực hiện nhiều lần, liên tục, gây tâm lý lo lắng trong nhân dân. Nên cần thiết phải xử phạt các bị cáo mức án tù có thời hạn để cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm trộm cắp tài sản, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với Trần Quang Tr: quá trình điều tra, Tr xác định không biết chiếc xe máy Honda SH Mode, biển kiểm soát 29D2- 001.97 là của Nguyễn Thành T trộm cắp. Tr chỉ cho T vay 06 triệu đồng và giữ xe máy làm tin. Nguyễn Thành T cũng xác nhận khi đem xe máy đến cho Tr không nói là xe trộm cắp mà có, T chỉ để xe máy lại để vay số tiền 06 triệu đồng của Tr. Khi biết xe máy là tài sản do T trộm cắp, Tr đã giao nộp chiếc xe máy cho cơ quan điều tra và không yêu cầu T phải trả số tiền 06 triệu đồng. Vì vậy cơ quan điều tra không xử lý Tr là có căn cứ.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các Bị cáo Nguyễn Thành T, Hoàng Trung H thực hiện trên hai lần trộm cắp tài sản, giá trị tài sản mỗi lần trộm cắp có giá trị đều từ trên 02 triệu đồng. Bị cáo Nguyễn Trọng H thực hiện 05 lần tiêu thụ tài sản do T và H trộm cắp, nên các bị cáo đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội hai lần trở lên”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thành T, Hoàng Trung H và Nguyễn Trọng H đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Biện pháp tư pháp: Toàn bộ 11 bị hại không yêu cầu bồi thường dân sự, nên không xem xét.

Đối với số tiền Nguyễn Thành T, Hoàng Trung H bán xe máy cho Nguyễn Trọng H (5.300.000đ), T đặt xe máy cho Trần Quang Tr (06 triệu đồng), Tr không yêu cầu bị cáo phải trả lại, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự: buộc bị cáo Nguyễn Thành T truy nộp 06 triệu đồng sung công quỹ nhà nước. Buộc bị cáo Nguyễn Thành T, Hoàng Trung H truy nộp sung công quỹ nhà nước mỗi người 2.650.000đ(Hai

triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Thành T phải truy nộp sung công quỹ nhà nước là 8.650.000đ(Tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Đối với số tiền 700.000đ Nguyễn Trọng H bán khung và máy chiếc xe máy kiểu dáng Spacy của anh Trần Mạnh Q: đây là tiền do phạm tội mà có, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự: buộc bị cáo truy nộp sung công quỹ nhà nước.

Xử lý vật chứng: Đối với 01 tay công bằng kim loại dài 15cm, có chuôi bằng cao su màu đỏ đen, đầu tay công hình tròn; 01 đầu vam bằng kim loại dài khoảng 08cm, một đầu dẹt nhọn, một đầu hình lục giác; 01 đầu nối bằng kim loại hình trụ dài khoảng 05cm, một đầu hình vuông, một đầu hình lục giác: đây là công cụ các bị cáo dùng để phạm tội. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: các bị cáo, mỗi người phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ; khoản 1, mục I phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Bị cáo, Bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: điểm b,c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự (Đối với Nguyễn Thành T); điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự (Đối với Hoàng Trung H); khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự(Đối với Nguyễn Trọng H); điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52(Đối với Nguyễn Trọng H, Hoàng Trung H, Nguyễn Thành T), điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ; khoản 1, mục I phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Xử phạt Nguyễn Thành T **54** (Năm mươi bốn) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 23/9/2019.

Xử phạt Hoàng Trung H **40** (Bốn mươi) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án(được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/9/2019 đến ngày 02/10/2019).

Xử phạt Nguyễn Trọng H **16** (Mười sáu) tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án(Được trừ thời gian tạm giữ từ 23/9/2019 đến ngày 02/10/2019).

Hình phạt bổ sung: miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho các bị cáo.

Biện pháp tư pháp: Bị hại không yêu cầu bồi thường dân sự, nên không xem xét.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành T truy nộp 8.650.000đ (Tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) sung công quỹ nhà nước.

Buộc bị cáo Hoàng Trung H truy nộp sung công quỹ nhà nước 2.650.000đ (Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Trọng H truy nộp sung công quỹ nhà nước 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng).

Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 tay công bằng kim loại dài 15cm, có chuôi bằng cao su, đầu tay công hình tròn; 01 đầu văm bằng kim loại dài khoảng 08cm, có một đầu dẹt nhọn và một đầu hình lục giác; 01 đầu nối bằng kim loại hình trụ tròn dài khoảng 05cm, một đầu hình vuông và một đầu hình lục giác (Các vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, theo Biên bản giao nhận tang vật, vật chứng ngày 28/02/2020).

Về án phí: các bị cáo Nguyễn Thành T, Hoàng Trung H và Nguyễn Trọng H mỗi người phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi của mình, trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND Q. Hai Bà Trưng;
- THA Q. Hai Bà Trưng;
- Công an Q. Hai Bà Trưng;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Liên Sơn